

Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị kiểm kê:
Tên đơn vị kiểm kê:(*)
Mã đơn vị kiểm kê:(**)
Loại hình đơn vị:(***)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Hôm nay, ngày tháng năm
Tổ kiểm kê gồm:
1. Ông /Bà: Chức vụ: - Tổ trưởng
2. Ông /Bà: Chức vụ: - Tổ phó
3. Ông /Bà: Chức vụ: - Tổ viên
.....
Đã tiến hành kiểm kê tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị do(*) quản lý/tạm quản lý, kết quả như sau:

STT	Danh mục tài sản	Mã số tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về hiện vật				Chỉ tiêu về giá trị (****)		Tình trạng của tài sản		Ghi Chú
				Đơn vị tính	Theo Biên bản bàn giao từ cơ quan, đơn vị cũ	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7) - (6)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	011										
1.1	Đất	01101										
1.1.1	Đất trụ sở làm việc(*****)	0110101										
	Địa chỉ 1...			m2	(Diện tích)	(Diện tích)						
	Địa chỉ 2....			m2	(Diện tích)	(Diện tích)						
1.1.2	Đất công trình sự nghiệp	0110102										
	Địa chỉ 1...			m2	(Diện tích)	(Diện tích)						
	Địa chỉ 2....			m2	(Diện tích)	(Diện tích)						
1.2	Nhà	01102										
1.2.1	Biệt thự, công trình đặc biệt	0110201										
	Ngôi 1			m2	(Tổng diện tích sàn xây dựng)	(Tổng diện tích sàn xây dựng)						
	Ngôi 2			m2	(Tổng diện tích sàn xây dựng)	(Tổng diện tích sàn xây dựng)						
1.2.2	Nhà cấp I	0110202										
	Ngôi 1			m2	(Tổng diện tích sàn xây dựng)	(Tổng diện tích sàn xây dựng)						
	Ngôi 2			m2	(Tổng diện tích sàn xây dựng)	(Tổng diện tích sàn xây dựng)						
1.2.3	Nhà cấp II	0110203										
	Ngôi 1			m2	(Tổng diện tích sàn xây dựng)	(Tổng diện tích sàn xây dựng)						
	Ngôi 2			m2	(Tổng diện tích sàn xây dựng)	(Tổng diện tích sàn xây dựng)						

STT	Danh mục tài sản	Mã số tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về hiện vật				Chỉ tiêu về giá trị (****)		Tình trạng của tài sản		Ghi Chú
				Đơn vị tính	Theo Biên bản bàn giao từ cơ quan, đơn vị cũ	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7) - (6)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1.2.4	Nhà cấp III	0110204										
	Ngôi 1			m2	(Tổng diện tích sàn xây dựng)	(Tổng diện tích sàn xây dựng)						
	Ngôi 2			m2	(Tổng diện tích sàn xây dựng)	(Tổng diện tích sàn xây dựng)						
1.2.5	Nhà cấp IV	0110205										
	Ngôi 1			m2	(Tổng diện tích sàn xây dựng)	(Tổng diện tích sàn xây dựng)						
	Ngôi 2			m2	(Tổng diện tích sàn xây dựng)	(Tổng diện tích sàn xây dựng)						
1.3	Vật kiến trúc	01103		-	-	-	-					
1.3.1	Kho chứa, bể chứa, bãi đỗ, sân phơi, sân chơi, sân thể thao, bể bơi	0110301		-	-	-	-					
	Tài sản 1			-	-	-	-					
	Tài sản 2 ...			-	-	-	-					
1.3.2	Giếng khoan, giếng đào, tường rào	0110302		-	-	-	-					
	Tài sản 1			-	-	-	-					
	Tài sản 2 ...			-	-	-	-					
1.3.3	Vật kiến trúc khác	0110303		-	-	-	-					
	Tài sản 1			-	-	-	-					
	Tài sản 2 ...			-	-	-	-					
2	Xe ô tô phục vụ công tác chung	012		-	-	-	-					
	Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi	0120201		-	-	-	-					
	Xe BKS...			-	-	-	-					
	Xe ô tô 6-8 chỗ ngồi	0120202		-	-	-	-					
	Xe BKS...			-	-	-	-					
	Xe ô tô 9-12 chỗ ngồi	0120203		-	-	-	-					
	Xe BKS...			-	-	-	-					
	Xe ô tô 13-16 chỗ ngồi	0120204		-	-	-	-					
	Xe BKS...			-	-	-	-					
	Xe ô tô bán tải	0120205		-	-	-	-					
	Xe BKS...			-	-	-	-					
3	Xe ô tô chuyên dùng	01203		-	-	-	-					
	Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế	0120301		-	-	-	-					
	Xe BKS...			-	-	-	-					
4	Máy móc, thiết bị	014		-	-	-	-					
4.1	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến	01401		-	-	-	-					

STT	Danh mục tài sản	Mã số tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về hiện vật				Chỉ tiêu về giá trị (****)		Tình trạng của tài sản		Ghi Chú
				Đơn vị tính	Theo Biên bản bàn giao từ cơ quan, đơn vị cũ	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7) - (6)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	Tài sản ...			-	-	-	-					
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung	01402		-	-	-	-					
	Tài sản ...			-	-	-	-					
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	01403		-	-	-	-					
	Tài sản ...			-	-	-	-					
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm	015		-	-	-	-					
5.1	Các loại súc vật	01501		-	-	-	-					
	Tài sản ...			-	-	-	-					
5.2	Cây lâu năm, vườn cây lâu năm, vườn cây công nghiệp, vườn cây ăn quả	01502		-	-	-	-					
	Tài sản ...			-	-	-	-					
5.3	Thảm cỏ, cây cảnh, vườn cây cảnh	01503		-	-	-	-					
	Tài sản ...			-	-	-	-					
6	Tài sản cố định đặc thù	016		-	-	-	-					
	Tài sản 1			-	-	-	-					
	Tài sản 2 ...			-	-	-	-					
7	Tài sản cố định hữu hình khác	017		-	-	-	-					
	Tài sản 1			-	-	-	-					
	Tài sản 2 ...			-	-	-	-					
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)	018		-	-	-	-					
	Tài sản 1			-	-	-	-					
	Tài sản 2 ...			-	-	-	-					
8.4	Phần mềm ứng dụng	01804		-	-	-	-					
	Tài sản 1			-	-	-	-					
	Tài sản 2 ...			-	-	-	-					
8.5	Tài sản cố định vô hình khác	01805		-	-	-	-					
	Tài sản 1			-	-	-	-					
	Tài sản 2 ...			-	-	-	-					

Các thành viên Tổ kiểm kê
(Ký, họ tên)

....., ngày tháng năm
Tổ trưởng Tổ kiểm kê
(Ký, họ tên)